

Số: 06/2019/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 20 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định giá tiêu thụ nước sạch
do Công ty cổ phần cấp nước Nam Định sản xuất**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung ứng và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung ứng và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNN ngày 15/5/2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm định quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại đô thị, khu công nghiệp, khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28/5/2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Theo đề nghị của Công ty cổ phần cấp nước Nam Định tại Tờ trình số 05/NSĐP ngày 28/12/2018; Sở Xây dựng tại Văn bản số 234/HTKT&PTĐT-SXD ngày 08/3/2019; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 166/SNN-CCTL ngày 08/3/2019; Báo cáo thẩm định số 36/BC-STP ngày 15/3/2019 của Sở Tư pháp và Sở Tài chính tại Tờ trình số 164/TTr-STC ngày 19/3/2019 về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Nam Định do Công ty cổ phần cấp nước Nam Định sản xuất.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá tiêu thụ nước sạch do Công ty cổ phần cấp nước Nam Định sản xuất (có bảng giá kèm theo).

Điều 2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, kiểm tra Công ty cổ phần cấp nước Nam Định việc cung cấp nước sạch đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo quy định hiện hành và việc thực hiện giá tiêu thụ nước sạch tại Điều 1, Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/4/2019 và thay thế Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch do Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Nam Định sản xuất.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị: Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Công ty cổ phần cấp nước Nam Định, các đơn vị liên quan và các đối tượng sử dụng nước sạch chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công báo tỉnh;
- Website UBND tỉnh; VP UBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP3, VP6.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Ngô Gia Tự



BẢNG GIÁ TIÊU THỤ NƯỚC SẠCH

DO CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NAM ĐỊNH SẢN XUẤT

(Kèm theo Quyết định số: 06/2019/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của UBND tỉnh Nam Định)

1. Nước do nhà máy nước tại thành phố Nam Định sản xuất

TT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG NƯỚC	Giá bán (đồng/m ³)
1	Nước sinh hoạt các hộ dân cư	
-	Sử dụng từ 1m ³ đến 10 m ³ (hộ/tháng)	8.600
-	Sử dụng từ trên 10 m ³ đến 20 m ³ (hộ/tháng)	10.300
-	Sử dụng trên 20 m ³ đến 30 m ³ (hộ/tháng)	12.700
-	Sử dụng trên 30 m ³ (hộ /tháng)	13.500
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp (bao gồm cả trường học, bệnh viện), đơn vị vũ trang, phục vụ mục đích công cộng.	12.800
3	Hoạt động sản xuất vật chất	13.500
4	Kinh doanh dịch vụ	23.000

Ghi chú: Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT), phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

2. Nước do nhà máy nước tại các huyện sản xuất

TT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG NƯỚC	Giá bán (đồng/m ³)
1	Nước sinh hoạt các hộ dân cư	8.200
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp (bao gồm cả trường học, bệnh viện), đơn vị vũ trang, phục vụ mục đích công cộng.	12.200
3	Hoạt động sản xuất vật chất	13.500
4	Kinh doanh dịch vụ	22.000

Ghi chú: Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT), phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và đã khấu trừ tiền đóng góp đối ứng xây dựng công trình của khách hàng là 2.000 đồng/m³ nước tiêu thụ, không khấu trừ đối với nước phục vụ các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp (bao gồm cả trường học, bệnh viện), đơn vị vũ trang, phục vụ mục đích công cộng, nước phục vụ hoạt động sản xuất vật chất và kinh doanh dịch vụ.